TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DSST
Ngày 02/7/2020
V/v:Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngữ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La.

Ông Nguyễn Quang Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Trần Văn Mạnh - KSV.

Ngày 02/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2019/DSST ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02A/2020/QĐXXST-DS ngày 07/01/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 07/02/2020, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; (có mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc K, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Chị Phạm Thị H, sinh năm1972; (vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu 1, TT K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Ngày 23/5/2019, anh Phạm Ngọc K có đến nhà chị để vay số tiền 290.000.000đồng. Khi vay, anh K tự tay viết giấy vay tiền, có thỏa thuận lãi suất vay là 2.900.000đ/tháng đối với số tiền vay nêu trên. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận là đến 23/6/2019 anh K sẽ trả số tiền gốc và lãi.

Đã quá thời hạn thanh toán như thỏa thuận, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu anh K thanh toán cả gốc và lãi nhưng anh K vẫn không trả. Chị đề nghị Tòa án buộc anh K và chị H (vợ anh K) thanh toán trả chị số tiền 290.000.000đ tiền gốc và lãi suất như thỏa thuận là 2.900.000đ/tháng kể từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Ngọc K có bản tự khai và lời khai tại Tòa trình bày:

Anh vay tiền của chị Nguyễn Thị O nhiều lần, đến ngày 23/5/2019, anh viết giấy biên nhận vay tiền với tổng số tiền là 290.000.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.900.000đ/tháng đối với số tiền gốc vay nêu trên. Mục đích vay là để anh

trả tiền trả góp cho ngân hàng và dùng vào việc cá nhân. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận là đến 23/6/2019 thì anh trả hết số tiền vay cả gốc và lãi. Do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay vẫn chưa trả cho chị O được số tiền gốc đã vay và tiền lãi, anh xin được trả dần số tiền trên.

Chị Phạm Thị H là bị đơn trình bày:

Chị với chị O là bạn học với nhau, vào khoảng tháng 01/2019 thì chị O gọi điện cho chị thông báo là anh K (chồng chị) vay tiền của chị O. Sau đó chị hỏi thì anh K cho biết đã vay tiền của chị O nhiều lần, cả tiền gốc và lãi tính đến tháng 4/2019 là 240.000.000đ. Chị cho rằng chị O đã cho anh K vay nặng lãi, tuy nhiên chị không có chứng cứ gì về việc cho vay nặng lãi. Chị không đồng ý cùng anh K trả cho chị O số tiền trên vì chị không được biết và sử dụng số tiền anh K đã vay của chị O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, HĐXX trong quá trình giải quyết vụ án và hướng giải quyết về nội dung vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ không đầy đủ.

Hướng giải quyết về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O: Buộc anh Phạm Ngọc K phải trả cho chị Nguyễn Thị O số tiền gốc còn nợ là 290.000.000đ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo yêu cầu của nguyên đơn là 2.900.000đ/tháng kể từ ngày 23/5/2029 đến hết ngày 02/7/2020.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị HĐXX buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phạm Ngọc K và chị Phạm Thị H là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh K, chị H vẫn vắng mặt trong tất cả các phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh K, chị H.

[2].Nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án thì thấy:

Ngày 23/5/2019, anh Phạm Ngọc K có viết giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị O với số tiền 290.000.000đ, lãi suất vay là 2.900.000đ/tháng, anh K hẹn đến ngày 23/6/2019 thì trả hết số tiền gốc là tiền lãi vay. Anh K thừa nhận khoản vay trên nhưng do hoàn cảnh gia đình nên chưa trả được cho chị O số tiền đã vay. Do đó chị O khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền trên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[3].Về lãi suất vay:

-Về lãi suất trong hạn: Trong giấy vay tiền có ghi lãi suất vay là 2.900.000đ/tháng, lãi suất vay là do các bên thỏa thuận, tự nguyện (tương đương 1%/tháng = 12%/năm) và không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó HĐXX buộc anh K phải chịu lãi suất trong hạn của số tiền đã vay là 2.900.000đ/ tháng kể từ ngày vay 23/5/2019 đến hết ngày 23/6/2019.

Do các bên không thỏa thuận lãi quá hạn nên kể từ ngày 24/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/7/2020, anh Phạm Ngọc K phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 12 tháng + 8 ngày = 29.537.000đ

[4].Về trách nhiệm trả nợ:

HĐXX thấy rằng, trong giấy vay tiền chị O giao nộp cho Tòa án có chữ ký, chữ viết và điểm chỉ của anh K. Chị H không thừa nhận khoản tiền anh K đã vay là để sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Đây là số tiền lớn so với khả năng kinh tế của gia đình anh K, chị H nên lẽ ra khi vay mượn chị O phải bàn bạc, thống nhất với anh K, chị H. Do đó, mặc dù đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa anh K và chị H nhưng việc vay tiền là do một mình anh K thực hiện, số tiền vay không dùng vào mục đích chung của gia đình nên HĐXX chỉ buộc một mình anh K phải có trách nhiệm trả nợ chị O số tiền đã vay.

[5].Về biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/7/2019 cho đến khi có căn cứ hủy bỏ theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6].Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

- Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị O được chấp nhận nên chị O không phải chịu tiền án phí DSST. Hoàn trả chị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp

- Anh Phạm Ngọc K phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Điều luật áp dụng:

Áp dụng các điều 26; 35; 39; 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[2].Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O.

Buộc anh Phạm Ngọc K phải trả cho chị Nguyễn Thị O số tiền gốc còn nợ là 290.000.000đ; 2.900.000đ tiền lãi trong hạn tính đến hết ngày 23/6/2019; Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 24/6/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 02/7/2020 là 29.537.000đ. Tổng cộng anh Phạm Ngọc K phải trả chị Nguyễn Thị O 322.437.000đ.

[3].Về án phí:

- Anh Phạm Ngọc K phải chịu 16.121.850đ án phí DSST.

- Chị Nguyễn Thị O không phải chịu tiền án phí DSST, hoàn trả chị Nguyễn Thị O 7.250.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007289 ngày 10/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉn Bắc Giang.

[5].Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/7/2019 cho đến khi có căn cứ hủy bỏ theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6].Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

□n xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-*VKSND huyện Lạng Giang*;
-*THADS huyện Lạng Giang;*
-*Tòa án tỉnh Bắc Giang*
-*Các đương sự;*
-*Lưu*.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ